TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124/2024/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 128/2024/TLST-VDS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Du Văn G, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà trọ N, đường 17, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Hà Thị D, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà trọ N, số 344, đường ĐX 65, Tổ 6, Khu phố 4, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2012, ngày 02/5/2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do mâu thuẫn giữa ông G và bà D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D thống nhất sau khi ly hôn ông G sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Du Trí H, sinh ngày

10/10/2011. Bà D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Du Quốc N, sinh ngày 26/9/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (10/6/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01/2012, ngày 02/5/2013 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Du Văn G và bà Hà Thị D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Du Văn G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Du Trí H, sinh ngày 10/10/2011. Bà Hà Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Du Quốc N, sinh ngày 26/9/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Du Văn G và bà Hà Thị D mỗi người phải chịu số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002490 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Cao Nhật Thanh